*Phụ lục I*

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HÀ VINH  **TỔ XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ, KHỐI LỚP 9**

**NĂM HỌC: 2025-2026**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 03; Số học sinh 125:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 08**; **Trình độ đào tạo**: Đại học 8; Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 06; Khá;02 Đạt:0; Chưa đạt:0

**3. Thiết bị dạy học:**

**3.1. Phân môn Lịch sử**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** |  | **Số lượng** | **Các bài thực hành /thí nghiệm** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**3.2. Phân môn Địa lí** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành /thí nghiệm** | **Ghi chú** |
| 1 | Bản đồ công nghiệp Việt Nam | 1 | Xác định các trung tâm công nghiệp chính của nước ta |  |
| 2 | Bản đồ các Vùng kinh tế trọng điềm | 1 | Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. |  |
| 3 | Bản đồ các Vùng kinh tế trọng điềm | 1 | Tìm hiểu vùng kinh tế trọng điểm Phía Nam |  |
|  |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình:**

**1.1.** **Phân phối chương trình phân môn Lịch sử:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Chủ đề/ Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945** | | | | |
| **1** | 1 | Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | **1** | - Nêu được những nét chính về nước Nga trước khi Liên Xô được thành lập.  - Trình bày được những thành tựu và chỉ ra những hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. |
| **2** | 2,3 | Châu Âu và nước Mĩ từ năm 1918 đến năm 1945 | **2** | - Trình bày được những nét chính về phong trào cách mạng và sự thành lập Quốc tế Cộng sản. Đại suy thoái kinh tế 1929 -1933. Sự thành lập chủ nghĩa phát xít ở châu Âu.  - Nhận biết được tình hình chính trị và sự phát triển kinh tế của nước Mĩ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới |
| **3** | 4 | Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | **1** | Nêu được những nét chính về tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945. |
| **4** | 5,6 | Chiến tranh thế giới thứ hai (1939- 1945) | **2** | - Trình bày được nguyên nhân và diễn biến chủ yếu của chiến tranh thế giới thứ  - Phân tích được hậu quả của chiến tranh thế giới thứ 2 đối với lịch sử nhân loại.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi ý nghĩa lịch sử vai trò của Liên Xô và các nước trong đồng minh trong chiến thắng Chủ nghĩa phát xít. **\*** Tích hợp khung năng lực số: *2. Giao tiếp và Hợp tác*  *2.2. Chia sẻ thông tin và nội dung thông qua công nghệ số*  *- Sử dụng các công cụ trình chiếu trực tuyến để hợp tác, cùng xây dựng và sáng tạo các bài trình bày về cuộc chiến, từ đó rèn luyện khả năng làm việc nhóm trong môi trường số* |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945** | | | | |
| **5** | 7,8 | Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 | **2** | * Mô tả được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930. |
| **6** | 9 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | **1** | - Nêu được những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 - 1930.  - Nhận biết được quá trình và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng cộng sản Việt Nam. |
| **7** | 10 | Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 | **1** | - Mô tả được những nét chủ yếu của phong trào cách mạng giai đoạn 1930 - 1939. |
| **8** | 11,14 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 | **2** | - Nêu được tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp - Nhật Bản.  - Trình bày được sự chuẩn bị của nhân dân Việt Nam tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền: chuyển hướng chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương; sự ra đời của Mặt trận Việt Minh; cao trào kháng Nhật cứu nước.  - Trình bày được diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Đánh giá được vai trò của Đảng Cộng sản Đông Dương trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.  *\* Tích hợp khung năng lực số:*  *1. Khai thác dữ liệu và thông tin*  *1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số*  *- Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá được các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.*  *- Học sinh tìm kiếm và đánh giá độ tin cậy của các nguồn tài liệu số (báo chí, video, tài liệu lưu trữ trực tuyến) để hiểu sâu hơn về bối cảnh và ý nghĩa của cuộc cách mạng.* |
| **9** | 12 | Ôn tập giữa kì 1 | **1** | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| **10** | 13 | Kiểm tra giữa kì 1 | **1** | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1918 đến 1945 và Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến 1945. |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** | | | | |
| **11** | 15,16 | Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) | **2** | - Nhận biết được nguyên nhân, những biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. |
| **12** | 17,18,19 | Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | **3** | - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991.  - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. |
| **13** | 20,21,22 | Nước Mĩ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | **3** | - Nêu được những nét chính về chính trị, kinh tế của nước Mĩ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991. |
| **14** | 23,24,27 | Khu vực Mĩ La Tinh và châu Á từ năm 1945 đến 1991 | **3** | - Mô tả được đôi nét về các nước Mĩ La Tinh từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được một cách khái quát về cách mạng Cu ba và đánh giá được kết quả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu ba. |
| - Giới thiệu được những nét chính về Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ từ năm 1945 đến năm 1991.  - Trình bày được cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á, sự hình thành và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). |
| 15 | **25** | Ôn tập cuối kì 1 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 16 | **26** | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1918 đến 1945 và Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến 1945. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 1991. |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** | | | | |
| 17 | 28 | Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám. | **1** | - Nhận biết được những biện pháp chủ yếu để xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự,... trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.  - Trình bày được những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ. |
| 18 | 29,30 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 -1950. | **2** | - Giải thích được nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946).  - Nêu và giải thích được đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng.  - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao,... trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1945-1950. |
| 31,32 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 đến năm 1954. | **2** | - Mô tả được những thắng lợi tiêu biểu trên mặt trận quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, ... trong kháng chiến chống thực dân Pháp giai đoạn 1951-1954.  - Nêu được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954). |
| 19 | 33,34 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 đến năm 1965. | **2** | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, ...).  - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”)  *\* Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh: Hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược đối với dân tộc Việt Nam.* |
| 20 | 35,36 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 đến năm 1975. | **2** | - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa 1965-1975  - Mô tả được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước giai đoạn 1965 - 1975 “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mĩ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, ...).  - Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. |
| 21 | 37,40 | Việt Nam trong những năm 1976 - 1991. | **2** | - Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 - 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 - 1985.  - Mô tả được đường lối Đổi mới của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn 1986 - 1991. Giải thích được nguyên nhân của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991.  - Nêu được kết quả và ý nghĩa của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn 1986 - 1991.  - Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.  *\* Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh: một số hình ảnh về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.* |
| 22 | 38 | Ôn tập giữa kì 2 |  | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 23 | 39 | Kiểm tra giữa kì 2 |  | - Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử Việt Nam từ năm 19145 đến 1991. |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** | | | | |
| 24 | 41,42 | Trật tự thế giới mới | **2** | - Nêu được xu hướng và sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh.  - Nêu được tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay.  - Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mĩ từ năm 1991 đến nay. |
| 25 | 43,44 | Châu Á từ năm 1991 đến nay | **2** | - Giới thiệu được sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) từ năm 1991 đến nay.  - Mô tả được quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay và những nét chính của Cộng đồng ASEAN. |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** | | | | |
| 26 | 45 | Khái lược công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay | **1** | - Nêu được những thành tựu tiêu biểu (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh…) của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay.  \* *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh: Giới thiệu một số bài hát ca ngợi truyền thống vẻ vang của Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam.* |
| **CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ** | | | | |
| 27 | 46 | Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa | **1** | - Mô tả được những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học kĩ thuật trên thế giới.  - Trình bày được những nét cơ bản về xu hướng toàn cầu hoá và ảnh hưởng của toàn cầu hoá đối với thế giới và Việt Nam. |
| **Chủ đề chung** | | | | |
| 28 | 47,48 | Đô thị: Lịch sử và hiện tại | **2** | - Trình bày được vai trò của đô thị đối với sự phát triển vùng với tưcách là trung tâm quyền lực và kinh tế của vùng, đất nước, khu vực.  - Mô tả được quá trình đô thị hoá thời kì xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp  - Nêu được tác động của đô thị hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội |
| 29 | 49,52,53 | Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông | **3** | - Trình bày được những chứng cứ lịch sử, pháp lí về chủ quyền biển đảo Việt Nam.  - - Nêu được vai trò chiến lược của biển đảo Việt Nam trong việc khẳng định và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - Có hành động cụ thể thể hiện trách nhiệm đối với việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  - *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh: Trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...* |
| 30 | 50 | Ôn tập giữa kì 2 |  | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 31 | 51 | Kiểm tra giữa kì 2 |  | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1991 đến nay và phần chủ đề chung. |
| **Tổng** | | | **53** |  |

# 1.2. Phân phối chương trình phân môn Địa lý:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Bài học**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | 1,2,3,4 | **Địa lí dân cư Việt Nam**  - Thành phần dân tộc  - Gia tăng dân số ở các thời kì  - Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính  - Phân bố dân cư. Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn  - Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống | 4 | Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.  - Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.  -Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.  Tìm hiểu và viết báo cáo phân tích vấn đề việc làm ở địa phương.  - Sử dụng số liệu để nhận xét sự phân hoá thu nhập theo vùng ở nước ta. |
| 2 | 5,6,7,8 | **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản**  - Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản  - Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thuỷ sản.  - Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh | 4 | - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp.  -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. **\***Tích hợp khung năng lực số: *1. Khai thác dữ liệu và thông tin*  *1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số*  *- Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá được các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.*  *- Học sinh tìm kiếm và phân tích các số liệu, biểu đồ trực tuyến về diện tích gieo trồng, sản lượng nông nghiệp, từ đó nhận xét và đánh giá tình hình phát triển nông nghiệp Việt Nam một cách chính xác.*  - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thuỷ sản.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố lâm nghiệp, thuỷ sản.  Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả. |
| 3 | 9,10,11,14 | **Công nghiệp**  - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  - Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu.  - Vấn đề phát triển công nghiệp xanh | 4 | - Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  -Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu.  -Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính.  - Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh. |
| 4 | 12 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức |
| 5 | 13 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1 | -Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  -Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  -Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.  Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp công nghiệp  - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. công nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.  -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh, công nghiệp xanh |
| 6 | 15,16,17,18 | **Dịch vụ**  - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ  - Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.  - Thương mại, du lịch | 4 | Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ  -Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.  ***\*Tích hợp GDQP và an ninh****: Ví dụ về GTVT và bưu chính viễn thông gắn với quốc phòng và an ninh* ***(****Thực hiện sau hoạt động 2: Bưu chính viễn thông)*  *- Trình bày được sự phát triển ngành bưu chính viễn thông*  *- Phân tích được một số xu hướng phát triển mới trong ngành thương mại và du lịch.*  *\* Tích hợp khung năng lực số:*  *1. Khai thác dữ liệu và thông tin*  *1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số*  *- Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá được các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.*  *- Học sinh sử dụng các công nghệ số để tìm kiếm thông tin về vai trò, đặc điểm và sự phát triển của các ngành dịch vụ ở Việt Nam, ví dụ như tra cứu các tuyến đường giao thông, các sân bay quốc tế trên bản đồ số.* |
| 7 | 19,20,21 | **Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng | 3 | *-* Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  -Trình bày được đặc điểm phân hoá thiên nhiên giữa Đông Bắc và Tây Bắc; các thế mạnh để phát triển công nghiệp, lâm - nông - thuỷ sản, du lịch  - Vẽ được sơ đồ tư duy thể hiện các thế mạnh về tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Nhận xét được đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc, phân bố dân cư và chất lượng cuộc sống dân cư (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  -Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu). |
| 8 | 22,23,24,25 | **Vùng Đồng bằng sông Hồng**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  - Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ | 4 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng  - Phân tích được thế mạnh của vùng về tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển nông - lâm - thuỷ sản; vấn đề phát triển kinh tế biển  - Phân tích được đặc điểm dân cư, nguồn lao động và ảnh hưởng của các nhân tố này đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  - Phân tích được vấn đề đô thị hoá ở Đồng bằng sông Hồng; vị thế của Thủ đô Hà Nội.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Đồng bằng sông Hồng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  - Sưu tầm tư liệu và trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ |
| 9 | 26 | Ôn tập cuối kì 1 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 10 | 27 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp công nghiệp, dịch vụ  -Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. công nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. dịch vụ  Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên v, đặc điểm dân cư, kinh tế của vùngTrung du và miền núi Bắc Bộ, và Vùng Đồng Bằng Sông Hồng |
| 11 | 28,29,30 | **Bắc Trung Bộ**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của BTB. | 3 | - Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng  -Trình bày được đặc điểm phân hoá của tự nhiên và giải thích ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.  Trình bày được vấn đề phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu ở Bắc Trung Bộ  -Trình bày và giải thích được đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Bắc Trung Bộ  - Phân tích được sự phát triển và phân bố kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  - Phân tích được thế mạnh về du lịch ở vùng Bắc Trung Bộ.  Phân tích được vấn đề phát triển kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ. |
| 12 | 31,32,33 | **Duyên hải Nam Trung Bộ**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của DHNTB  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của DHNTB.  - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Phân tích được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính  - Trình bày được sự phân bố dân cư, dân tộc.  - Phân tích được những chuyển biến trong sự phát triển và phân bố kinh tế của vùng.  - Phân tích được sự phát triển của một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).  - Sử dụng sơ đồ tư duy để phân tích được ảnh hưởng của nạn hạn hán và sa mạc hoá đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở vùng khô hạn Ninh Thuận – Bình Thuận.  - Trình bày được về vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. |
| 13 | 34,35,36 | **Vùng Tây Nguyên**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng. | 4 | -Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng  - Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng  - Nhận xét được đặc điểm dân cư, văn hoá của các dân tộc Tây Nguyên  - Trình bày được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế thế mạnh của vùng Tây -Nguyên; các vấn đề môi trường trong phát triển |
| 14 | 37,40,41,42 | **Vùng Đông Nam Bộ**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 3 | Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.  - Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.  - Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.  - Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. |
| 15 | 38 | Ôn tập giữa kì 2 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 16 | 39 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 | - Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên v, đặc điểm dân cư, kinh tế của Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Vùng Tây Nguyên. |
| 17 | 43,44,45 | **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long**  - Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  - Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng  - Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  - Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 3 | - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.  - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.  - Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng.  - Trình bày được về Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó. |
| 18 | 46,47,48 | **Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long (2*)***  - Văn minh các dòng sông  - Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại | 3 | - Trình bày được những nét đặc sắc về văn hoá ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long thông qua việc tìm hiểu về văn minh các dòng sông.  - Phân tích được những biểu hiện của biến đổi khí hậu ở hai vùng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Nêu được tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long.  - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu liên quan đến vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại. |
| 19 | 49,52 | **Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo**  - Biển và đảo Việt Nam  - Phát triển tổng hợp kinh tế biển  - Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo | 2 | - Trình bày được trên sơ đồ các vùng biển quốc gia; xác định trên bản đồ các huyện đảo và các tỉnh có các huyện đảo đó.  - Trình bày được nội dung phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển; ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển đảo đối với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.  ***\*Tích hợp GDQP và an ninh****: Giáo dục quốc phòng và an ninh Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển phải gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh* ***(****Thực hiện sau hoạt động 2. Phát triển tổng hợp kinh tế biển)*  - Phân tích được vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và giữ vững chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông  ***\*Tích hợp GDQP và an ninh****: Ví dụ để chứng minh phát triển kinh tế biển phải gắn với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh Giáo dục quốc phòng và an ninh (Thực hiện sau hoạt động 1. Đánh giá tiềm năng kinh tế của đảo ven bờ)* |
| 20 | 50 | Ôn tập cuối kì 2 | 1 | - Hệ thống lại kiến thức đã học |
| 21 | 51 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | - Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên, đặc điểm dân cư, kinh tế của Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông cửu Long, Văn minh châu Thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long. |

# 2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

**2.1. Kiểm tra, đánh giá định kỳ phân môn Lịch Sử:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa kỳ I | 45 phút | Tuần 9 | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1918 đến 1945 và Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến 1945. | Viết trên giấy |
| Cuối kỳ I | 45 phút | Tuần 17 | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1918 đến 1945 và Lịch sử Việt Nam từ năm 1918 đến 1945. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 1991. | Viết trên giấy |
| Giữa kỳ II | 45 phút | Tuần 26 | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử Việt Nam từ năm 19145 đến 1991. | Viết trên giấy |
| Cuối kỳ II | 45 phút | Tuần 34 | Kiểm tra nội dung kiến thức đã học sau khi học xong nội dung Lịch sử thế giới từ 1991 đến nay và phần chủ đề chung. | Viết trên giấy |

**2.1. Kiểm tra, đánh giá định kỳ phân môn Địa Lý:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | -Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam.  -Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư.  -Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số.  Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp công nghiệp  -Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. công nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.  -Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh, công nghiệp xanh | Viết trên giấy |
| Cuối kỳ 1 | 45 phút | Tuần 17 | Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp công nghiệp, dịch vụ  -Trình bày được sự phát triển và phân bố nông nghiệp. công nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. dịch vụ  Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên, đặc điểm dân cư, kinh tế của vùng Trung du và miêng núi Bắc Bộ và Vùng Đồng Bằng Sông Hồng | Viết trên giấy |
| Giữa kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên, đặc điểm dân cư, kinh tế của Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ và Vùng Tây Nguyên. | Viết trên giấy |
| Cuối kỳ 2 | 45 phút | Tuần 34 | Trình bày vị trí địa lí, sự phân bố thiên nhiên, đặc điểm dân cư, kinh tế của Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông cửu Long, văn minh châu Thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long. | Viết trên giấy |

***Phụ lục II***

# TRƯỜNG THCS HÀ VINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TỔ XÃ HỘI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# 

# KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ , KHỐI LỚP 9**

**Khối lớp: 9; Số học sinh: 125**

1. **Phân môn Lịch sử:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ**  **đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số**  **tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối**  **hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Phân môn Địa lý: Khối lớp: 9; Số học sinh: 125**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ**  **đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số**  **tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối**  **hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Phụ lục III***

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HÀ VINH  **TỔ: XÃ HÔI**  **Họ và tên giáo viên: Phạm Thị Hương** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Lê Thị Hảo**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC: LỊCH SỬ& ĐỊA LÍ, KHỐI LỚP 9**

**NĂM HỌC: 2025-2026**

**I. Kế hoạch dạy học:**

**1. Phân phối chương trình:**

**1.1. Phân phối chương trình phân môn Lịch Sử:**

**CẢ NĂM: 35 TUẦNx 1,5 tiết = 53 TIẾT**

**Học kì 1: 27 tiết**

**Học kì 2: 26 tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết PPCT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm**  **(Tuần)** | **Thiết bị dạy học** | **Điểm điểm dạy học** |
| **Học kì 1: 27 tiết** | | | | | | |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1918 DẾN NĂM 1945** | | | | | | |
| 1 | 1 | Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | 1 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 2 | 2 | Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 | 2 | 1 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 3 | 3 | Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945 *(Tiếp theo)* | 2 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 4 | 4 | Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 | 1 | 3 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 5 | 5 | Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)  *Tích hợp khung năng lực số mục 2.2* | 2 | 3 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 6 | 6 | Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) *(Tiếp theo)* | 4 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1918 ĐẾN NĂM 1945** | | | | | | |
|  | |
| 7 | 7 | Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 | 2 | 5 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 8 | 8 | Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 - 1930 *(Tiếp theo)* | 5 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 9 | 9 | Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam | 1 | 6 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 10 | 10 | Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 - 1939 | 1 | 7 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 11 | 11 | Cách mạng tháng Tám năm 1945  *Tích hợp khung năng lực số mục 1.2* | 1 | 7 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 12 | 12 | Ôn tập giữa kì 1 | 1 | 8 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 13 | 13 | Kiểm tra giữa kì 1 | 1 | 9 | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 14 | 14 | Cách mạng tháng Tám năm 1945 *(Tiếp theo)* | 1 | 9 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** | | | | | | |
| 15 | 15 | Chiến tranh lạnh (1947 -1989) | 2 | 10 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 16 | 16 | Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)*(Tiếp theo)* | 11 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 17 | 17 | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 3 | 11 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 18 | 18 | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991*(Tiếp theo)* | 12 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 19 | 19 | Liên Xô và Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991*(Tiếp theo)* | 13 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 20 | 20 | Nước Mỹ nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991 | 3 | 13 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 21 | 21 | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991*(Tiếp theo)* | 14 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 22 | 22 | Nước Mỹ và Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991*(Tiếp theo)* | 15 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 23 | 23 | Khu vực Mỹ La tinh và châu Á từ năm 1945 đến 1991 | 2 | 15 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 24 | 24 | Khu vực Mỹ La Tinh và châu Á từ năm 1945 đến 1991 *(Tiếp theo)* | 16 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 25 | 25 | Ôn tập cuối kì 1 | 1 | 17 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 26 | 26 | Kiểm tra cuối kì 1 | 1 | 17 | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 27 | 27 | Khu vực Mĩ La tinh và châu Á từ năm 1945 đến 1991 *(Tiếp theo)* | 1 | 18 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **Học kì 2: 26 tiết** | | | | | | |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991** | | | | | | |
| 28 | 28 | Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. | 1 | 19 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 29 | 29 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 -1950. | 2 | 19 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 30 | 30 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 -1950.*(Tiếp theo)* | 20 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 31 | 31 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 đến năm 1954 | 2 | 21 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 32 | 32 | Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 đến năm 1954*(Tiếp theo)* | 21 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 33 | 33 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 đến năm 1965.  *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh* | 2 | 22 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 34 | 34 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1954 đến năm 1965.(Tiếp theo) | 23 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 35 | 35 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 đến năm 1975. | 2 | 23 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 36 | 36 | Việt Nam kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước giai đoạn 1965 đến năm 1975 (Tiếp theo) | 24 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 37 | 37 | Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991.  *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh* | 1 | 25 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 38 | 38 | Ôn tâp giữa kì 2 | 1 | 25 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 39 | 39 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 | 26 | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 40 | 40 | Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991 *(Tiếp theo)* | 1 | 27 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **THẾ GIỚI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** | | | | | | |
| 41 | 41 | Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. | 2 | 27 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 42 | 42 | Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay. Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay. *(Tiếp theo)* | 28 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 43 | 43 | Châu Á từ năm 1991 đến nay | 1 | 29 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 44 | 44 | Châu Á từ năm 1991 đến nay *(Tiếp theo)* | 1 | 29 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **VIỆT NAM TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY** | | | | | | |
| 45 | 45 | Việt Nam từ năm 1991 đến nay  *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh* | 1 | 30 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| **CÁCH MẠNG KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA** | | | | | | |
| 46 | 46 | Cách mạng khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa | 1 | 31 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 47 | 47 | Đô thi, Lịch sử và hiện tại | 2 | 31 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 48 | 48 | Đô thi, Lịch sử và hiện tại *(Tiếp theo)* | 32 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 49 | 49 | Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông  *Tích hợp giáo dục quốc phòng và an ninh* | 1 | 33 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 50 | 50 | Ôn tập cuối kì 2 | 1 | 33 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 51 | 51 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 | 34 | Đề kiểm tra | Lớp học |
| 52 | 52 | Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông *(Tiếp theo)* | 2 | 35 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |
| 53 | 53 | Bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông *(Tiếp theo)* | 35 | Máy chiếu; Máy tính | Lớp học |

**1.2. Phân phối chương trình phân môn Địa Lý:**

**Cả năm:** 35 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 52 tiết

**Học kì I:** 18 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 27 tiết

**Học kì II:** 17 tuần x 1,5 tiết/ tuần = 25 tiết

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiết**  **PPCT** | **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm**  **(Tuần)** | **Thiết bị dạy học** | **Điạ điểm dạy học** | **Ghi chú** |
| **HỌC KỲ 1 : = 27 tiết)** | | | | | | | |
| **Địa lí dân cư Việt Nam (4 tiết)** | | | | | | | |
| 1 | 1 | Thành phần dân tộc | 1 | 1 | Bộ tranh các dân tộc Việt Nam, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 2 | 2 | Gia tăng dân số, cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính | 1 | 2 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 3 | 3 | Phân bố dân cư. Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn | 1 | 2 | Bản đồ phân bố dân cư, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 4 | 4 | Lao động và việc làm. Chất lượng cuộc sống | 1 | 3 | Bản đồ phân bố dân cư, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (4 tiết**) | | | | | | | |
| 5 | 5,6 | Nông nghiệp Tích hợp khung năng lực số mục 1.2 | 2 | 4 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 6 | 7 | Lâm nghiệp | 1 | 5 | Bản đồ nông nghiệp, lâm nghiệp VN, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 7 | 8 | Thủy sản | 1 | 6 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Công nghiệp (4 tiết)** | | | | | | | |
| 8 | 9 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp | 1 | 6 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 9 | 10,11 | Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu | 2 | 7,8 | Bản đồ công nghiệp Việt Nam, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 10 | 12 | Ôn tập giữa kì I | 1 | 8 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 11 | 13 | Kiểm tra giữa kì I | 1 | 9 | Đề, đáp án | Lớp học |  |
| 12 | 14 | Sự phát triển và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu (Tiếp theo) | 1 | 10 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Dịch vụ (4 tiết**) | | | | | | | |
| 13 | 15 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ  *Tích hợp khung năng lực số mục 1.2* | 1 | 10 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 14 | 16,17 | Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông  *Tích hợp: Giáo dục quốc phòng và an ninh* | 2 | 11,12 | Bản đồ GTVT, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 15 | 18 | Thương mại, du lịch | 1 | 12 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (3 tiết)** | | | | | | | |
| 16 | 19 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1 | 13 | Bản đồ tự nhiên vùng Trung du và MN BB, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 17 | 20 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1 | 14 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 18 | 21 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ | 1 | 14 | Bản đồ tự kinh tế vùng Trung du và MN BB, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Vùng Đồng bằng sông Hồng (4 tiết)** | | | | | | | |
| 19 | 22 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng | 1 | 15 | Bản đồ tự nhiên vùng ĐBSH, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 20 | 23 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng | 1 | 16 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 21 | 24 | Ôn tập cuối kì I | 1 | 16 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 22 | 25 | Kiểm tra cuối kì I | 1 | 17 | Đề, đáp án | Lớp học |  |
| 23 | 26,27 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  Đồng bằng sông Hồng | 2 | 18 | Bản đồ kinh tế vùng ĐBSH, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **HỌC KỲ 2 : 17 tuần = 25 tiết** | | | | | | | |
| **Bắc Trung Bộ (3 tiết )** | | | | | | | |
| 24 | 28 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của Bắc Trung Bộ | 1 | 19 | Bản đồ tự nhiên Băc Trung Bộ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 25 | 29 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Bắc Trung Bộ | 1 | 20 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 26 | 30 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Bắc Trung Bộ | 1 | 20 | Bản đồ tự kinh tế Trung Bộ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
|  |  | **Duyên hải Nam Trung Bộ (3 tiết)** | | | | | |
| 27 | 31 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ | 1 | 21 | Bản đồ tự nhiên Duyên Hải Nam Trung Bộ , Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 28 | 32 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của Duyên hải Nam Trung Bộ | 1 | 22 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 29 | 33 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Duyên hải Nam Trung Bộ  Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung | 1 | 22 | Bản đồ kinh tế vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Vùng Tây Nguyên (4 tiết)** | | | | | | | |
| 30 | 34 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Tây Nguyên | 1 | 23 | Bản đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 31 | 35 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Tây Nguyên | 1 | 24 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 32 | 36,37 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng Tây Nguyên | 2 | 24,25 | Bản đồ kinh tế vùng Tây Nguyên, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 33 | 38 | Ôn tập giữa kì II | 1 | 26 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 34 | 39 | Kiểm tra giữa kì II | 1 | 26 | Đề, đáp án | Lớp học |  |
| **Vùng Đông Nam Bộ (3 tiết)** | | | | | | | |
| 35 | 40 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ | 1 | 27 | Bản đồ tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 36 | 41 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng Đông Nam Bộ | 1 | 28 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 37 | 42 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng Đông Nam Bộ  - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam | 1 | 28 | Bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (3 tiết)** | | | | | | | |
| 38 | 43 | Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ  - Các đặc điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 1 | 29 | Bản đồ tự nhiên vùng ĐBSCL, Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 39 | 44 | Các đặc điểm nổi bật về dân cư, xã hội của vùng | 1 | 30 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 40 | 45 | Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành kinh tế của vùng  - Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long | 1 | 30 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Chủ đề chung : *Văn minh châu thổ Sông Hồng và Sông Cửu Long (2) (3 tiết***) | | | | | | | |
| 41 | 46 | Văn minh các dòng sông | 1 | 31 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 42 | 47,48 | Biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng châu thổ của hai đồng bằng hiện đại | 2 | 32 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| **Phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển đảo (2 tiết)** | | | | | | | |
| 43 | 49 | Biển và đảo Việt Nam. Phát triển tổng hợp kinh tế biển  *Tích hợp Giáo dục quốc phòng và an ninh.* | 1 | 33 | Bản đồ các huyện đảo TP đảo của VN | Lớp học |  |
| 44 | 50 | Ôn tập học kì II | 1 | 34 | Máy tính, máy chiếu | Lớp học |  |
| 45 | 51 | Kiểm tra học kì II | 1 | 34 | Đề, đáp án | Lớp học |  |
| 46 | 52 | Khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đảo  *Tích hợp Giáo dục quốc phòng và an ninh.* | 1 | 35 | Bản đồ một số ngành kinh tế biển của Việt Nam | Lớp học |  |

*Bỉm Sơn, ngày 15 tháng 08 năm 2025.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| KT. HIỆU TRƯỞNG  P. HIỆU TRƯỞNG  **Nguyễn Thị Mai Dung** | TỔ TRƯỞNG  **Tống Thị Dung** | GIÁO VIÊN |
| **Lê Thị Hảo**  **Phạm Thị Hương** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |